

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO
NGÀY 15/5/2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc, Luật Công đoàn, Luật Đoàn thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 97/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội

1. Sửa đổi Điều 8 như sau:

“Điều 8. Cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho hội

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và cấp có thẩm quyền ở Trung ương giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp có thẩm quyền ở tỉnh giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã.

3. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp có thẩm quyền ở xã giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi xã”.

2. Sửa đổi khoản 1, khoản 4 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Cơ sở dữ liệu về quỹ được kết nối với công dịch vụ công quốc gia và Công dịch vụ công của Bộ Nội vụ; cơ sở dữ liệu quốc gia khác (nếu có), cơ sở dữ liệu của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã để hỗ trợ giải quyết các thủ tục về hội và quản lý tổ chức, hoạt động của hội”.

b) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Quản lý, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về hội:

a) Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về hội; ban hành quy chế quản lý, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu về hội và hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến sau khi cơ sở dữ liệu về hội được xây dựng và vận hành; Bộ Nội vụ cấp mã số và tài khoản truy cập Cơ sở dữ liệu về hội cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hội có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp mã số và tài khoản truy cập Cơ sở dữ liệu về quỹ cho Ủy ban nhân dân cấp xã và hội hoạt động trong phạm vi tỉnh truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu về hội theo quy định;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp mã số và tài khoản truy cập Cơ sở dữ liệu về hội cho hội hoạt động trong phạm vi xã truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu về hội theo quy định;

d) Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, xã và hội có trách nhiệm thường xuyên cập nhật, bổ sung, xác minh thông tin trong cơ sở dữ liệu về hội theo thẩm quyền và quy định pháp luật”.

3. Sửa đổi điểm d khoản 6 Điều 10 thành điểm c khoản 6 Điều 10 như sau:

“c) Hội hoạt động trong phạm vi xã có ít nhất 20 tổ chức, công dân tại đơn vị hành chính cấp xã có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội”.

4. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung điểm c khoản 7 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi khoản 5 như sau:

“5. Số thành viên ban vận động thành lập hội được quy định như sau:

a) Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh có ít nhất 10 thành viên đảm bảo tính đại diện cho các vùng, miền;

b) Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 05 thành viên tại hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên;

c) Hội hoạt động trong phạm vi xã có ít nhất 03 thành viên”.

b) Bổ sung điểm c khoản 7 như sau:

“c) Chịu trách nhiệm chính xác, hợp pháp về tài liệu cung cấp theo hồ sơ thành lập hội theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này”.

5. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 12 như sau:

“c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi xã”.

6. Sửa đổi Điều 15 như sau:

“Điều 15. Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về hội

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc (có Phụ lục IV kèm theo).

2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho phép thành lập, đại hội, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác về thành lập, phê duyệt điều lệ hội.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, đại hội, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, đại hội, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi xã”.

7. Sửa tên Điều 20 như sau:

“Điều 20. Nội dung chủ yếu tại đại hội”.

8. Bổ sung khoản 3a và sửa đổi khoản 9 Điều 24 như sau:

a) Bổ sung khoản 3a như sau:

“Không thực hiện hoạt động nhận tiền gửi, cho vay, góp vốn đầu tư”.

b) Sửa đổi khoản 9 như sau:

“9. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội theo quy định tại khoản 7 Điều 19; hồ sơ báo cáo kết quả đại hội theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ”.

9. Bổ sung điểm i khoản 1 Điều 30 như sau:

“i. Hội không đủ số lượng hội viên theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định này đến thời điểm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ”.

10. Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 37 như sau:

a) Sửa đổi khoản 2 Điều 37 như sau:

“2. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền ở tỉnh trên cơ sở các hội đã được giao biên chế, cấp hoặc hỗ trợ về kinh phí, điều kiện hoạt động, được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thường xuyên, phù

hợp với quy định của Đảng và điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của địa phương, ưu tiên các hội trong danh sách các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc”.

b) Sửa đổi khoản 3 Điều 37 như sau:

“3. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện các quy định chung tại Nghị định này; quy định riêng tại Chương VI này và chịu sự hướng dẫn, điều phối thống nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”.

11. Sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 38 như sau:

“đ) Xin ý kiến cấp có thẩm quyền theo quy định về chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm và đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường; mời đại diện cấp có thẩm quyền theo quy định dự họp ban thường vụ đảng ủy hoặc chi bộ”.

12. Sửa đổi điểm e khoản 1 và khoản 2 Điều 39 như sau:

a) Sửa đổi điểm e khoản 1 như sau:

“e) Hội lập dự toán kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ theo điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ khoản này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước gửi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”.

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Quy trình giao nhiệm vụ và hỗ trợ kinh phí đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương:

a) Đối với nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm của hội đã có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền được phân công theo dõi, chỉ đạo hội trong đó xác định rõ nhiệm vụ được ngân sách nhà nước hỗ trợ (chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ), hội lập dự toán gửi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan;

b) Đối với nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao cho hội nhưng chưa có trong chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm, trường hợp cấp có thẩm quyền đã giao chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phần ngân sách nhà nước hỗ trợ, hội lập dự toán kinh phí gửi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trường hợp nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao chưa chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phần ngân sách nhà nước hỗ trợ; hội xây dựng đề án hoặc kế hoạch triển khai (trong đó nêu chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phần ngân sách nhà nước hỗ trợ), gửi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Căn cứ ý kiến của cấp có thẩm quyền, hội lập dự toán gửi Mặt trận Tổ quốc theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan”.

13. Sửa đổi khoản 4 Điều 40 như sau:

“4. Đối với người trong độ tuổi lao động và người đã nghỉ hưu giữ chức danh chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách hội được hưởng chế độ thù lao, mức thù lao hàng tháng được quy định như sau:

a) Đối với hội hoạt động phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh: Chủ tịch không quá 6,50 lần so với mức lương cơ sở; Phó Chủ tịch chuyên trách không quá 6,0 lần so với mức lương cơ sở;

b) Đối với hội hoạt động phạm vi tỉnh: thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì Chủ tịch không quá 5,40 lần so với mức lương cơ sở; Phó Chủ tịch không quá 5,0 lần so với mức lương cơ sở. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại thì Chủ tịch không quá 5,00 lần so với mức lương cơ sở; Phó Chủ tịch không quá 4,0 lần so với mức lương cơ sở;

c) Đối với hội hoạt động phạm vi xã: xã thuộc thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì Chủ tịch không quá 3,0 lần so với mức lương cơ sở; Phó Chủ tịch không quá 2,0 lần so với mức lương cơ sở. Các xã, phường, đặc khu còn lại thì Chủ tịch không quá 2,0 lần so với mức lương cơ sở; Phó Chủ tịch không quá 1,5 lần so với mức lương cơ sở”.

14. Sửa đổi khoản 4 Điều 42 như sau:

“4. Số lượng phó chủ tịch hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc được quy định như sau:

a) Hội được xác định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này bầu không quá 03 phó chủ tịch chuyên trách;

b) Hội được xác định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này bầu không quá 02 phó chủ tịch chuyên trách;

c) Theo yêu cầu hoạt động, có thể bố trí một số phó chủ tịch không chuyên trách, số lượng do hội trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”.

15. Sửa đổi khoản 3 Điều 43 như sau:

“3. Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt điều lệ đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này. Thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này. Lấy ý kiến bằng văn bản các bộ, ngành có liên quan đến hoạt động của hội khi giải quyết các thủ tục về hội thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ”.

16. Sửa tên Điều 47 như sau:

“Điều 47. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.

17. Sửa đổi Điều 48 như sau:

“Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao theo quy định của pháp luật. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn về công tác đối ngoại của các hội”.

18. Sửa đổi Điều 50 như sau:

“Điều 50. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội và điều lệ hội hoạt động trong phạm vi xã.

2. Kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với hội hoạt động trong phạm vi xã.

3. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng hội, tổ chức, cá nhân có thành tích theo quy định của pháp luật.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức ở các tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật.

5. Xem xét, quyết định giao nhiệm vụ cho hội hoạt động trong phạm vi xã phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội.

6. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội hoạt động trong phạm vi xã.

7. Cập nhật cơ sở dữ liệu hội theo phân cấp quản lý và phối hợp trong xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu về hội hoạt động phạm vi xã.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật”.

19. Sửa đổi Phụ lục I.

20. Bổ sung Phụ lục IV về danh sách các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ và bầu không quá 03 phó chủ tịch chuyên trách; Phụ lục V về danh sách hội bầu không quá 02 phó chủ tịch chuyên trách.

21. Bãi bỏ, thay thế các quy định sau:

a) Bãi bỏ từ “huyện” tại điểm a khoản 4 Điều 32; khoản 4 Điều 39; khoản 10 Điều 49;

b) Bãi bỏ cụm từ “nếu hội là tổ chức thành viên” tại điểm d khoản 2 Điều 38;

c) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại khoản 6 Điều 43, khoản 7 Điều 44;

d) Bãi bỏ khoản 3 Điều 4;

đ) Bãi bỏ điểm c khoản 6 Điều 10;

e) Bãi bỏ điểm đ khoản 2 Điều 20;

g) Bãi bỏ điểm g khoản 2 Điều 30;

h) Bãi bỏ khoản 9 Điều 43;

i) Thay thế từ “huyện” bằng từ “xã” tại khoản 5 Điều 42.

j) Thay thế Phụ lục I tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP bằng Phụ lục I tại Nghị định này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2026.
2. Bãi bỏ Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
3. Bãi bỏ Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV.

TM. CHÍNH PHỦ